

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29/2025/HS-ST**
Ngày 16 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Sỹ Nghiêm

Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Hà Đức Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2025/TLST - HS ngày 22 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Tô Văn M**, sinh năm 1996 tại: xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038096002919; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn S và bà Lê Thị T1; có vợ là Trần Thị P và có 1 con sinh tháng 3 năm 2025.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 216/2015/HSST ngày 03/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2016.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/11/2024 sau đó chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Nông Cống; có mặt.

2. Họ và tên: **Vũ Hữu H**, sinh năm 1990 tại: xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn L1, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038090003298; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ

Hữu T2 và bà Ngô Thị Nh; có vợ là Đỗ Thị K và có 2 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh tháng 02 năm 2025.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 294/2008/HSST ngày 23/9/2008 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí M xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/01/2009.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Chấp hành xong hình phạt ngày 27/9/2018.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/11/2024 sau đó chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Nông Cống; có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1991 tại: xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn G, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038091001740; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Lưu Thị Th1; có vợ là Đỗ Thị H2, chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/11/2024 sau đó chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Nông Cống; có mặt.

4. Họ và tên: **Lưu Ngọc H3**, sinh năm 1989 tại: xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn L1, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038089017554; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Ngọc H4 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th2; có vợ là Nguyễn Thị N; có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/11/2024 sau đó chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Nông Cống; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện C, Thanh Hóa

2. Ông Tô Văn S, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện C, Thanh Hóa

3. Chị Đỗ Thị K, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn L1, xã B, huyện C, Thanh Hóa

4. Chị Lại Thị H4, sinh năm 2002

Địa chỉ: Thôn K1, xã TT, huyện C, Thanh Hóa

5. Anh Lại Văn S, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn K1, xã TT, huyện C, Thanh Hóa

6. Chị Tô Thị X, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện C, Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Văn Th, ông Tô Văn S và chị Đỗ Thị K; vắng mặt chị Lại Thị H4, anh Lại Văn S và chị Tô Thị X).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 05/11/2024, Đội CSĐTTP về hình sự, kinh tế và ma túy Công an huyện Nông Cống phối hợp với Công an xã Thăng Bình test ma túy đối với các đối tượng trong diện quản lý, phát hiện các đối tượng: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1991, trú tại Thôn G, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa và Vũ Hữu H, sinh năm 1990, trú tại Thôn L1, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa dương tính với ma túy loại Methamphetamine. Quá trình làm việc, Nguyễn Văn H1 và Vũ Hữu H khai báo: Vào tối ngày 03/11/2024, tại gầm cầu Bùng thuộc xã L, huyện C, H1 và H có sử dụng ma túy (hồng phiến) cùng với Lưu Ngọc H3, sinh năm 1989, trú tại Thôn L1, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa và Tô Văn M, sinh năm 1996, trú tại Thôn T1, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn H1 và Vũ Hữu H, Cơ quan điều tra triệu tập, làm việc đối với Lưu Ngọc H3 và Tô Văn M. Tại cơ quan điều tra, các đối tượng Vũ Hữu H, Nguyễn Văn H1, Lưu Ngọc H3 và Tô Văn M xin đầu thú và khai nhận hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của mình và đồng bọn. Quá trình điều tra xác định cụ thể như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 03/11/2024, Lưu Ngọc H3 và Vũ Hữu H liên lạc với nhau qua ứng dụng Messenger để rủ nhau mua ma túy sử dụng nhưng do không biết chỗ mua ma túy nên H liên lạc với H1 để hỏi xem Nguyễn Văn H1 biết chỗ mua ma túy không. Cùng lúc đó, Tô Văn M và Nguyễn Văn H1 có liên lạc với nhau qua ứng dụng Messenger về việc góp tiền mua ma túy sử dụng nhưng H1 không có tiền. Sau đó, H1 và M nói chuyện qua Messenger thì H1 bảo có ông anh cũng góp tiền (tức Lưu Ngọc H3), nên H1 đã nhờ M liên hệ mua ma túy thì M đồng ý. Lúc này, M liên lạc với Lại Văn S, sinh năm 1988, trú tại thôn K1, xã TT, huyện C nhờ Sơn mua hộ ma túy với giá 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) được 03 viên ma túy thì S đồng ý. Đồng thời lúc này, H1 liên lạc lại với H yêu cầu chuyển tiền để mua ma túy. Do không có tiền nên H liên lạc với H3 để H3 chuyển tiền thì H3 đồng ý. H cung cấp số tài khoản ngân hàng của H1 cho H3 nên H3 đã dùng tài khoản 39551937 thuộc Ngân hàng ACB mang tên "Lưu Ngọc H3" chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn) đến số tài khoản số 199419941994 thuộc Ngân hàng MB mang tên "Nguyễn Văn H1" để H1 liên hệ mua ma túy. Sau khi H1 nhận được tiền thì Tô Văn M cũng gửi số tài khoản của Lại Văn S cho H1 và H1 đã chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) vào tài khoản số 0390112689999 thuộc ngân hàng MB mang tên "Lại Văn S" để mua ma túy. Tô Văn M không có tiền góp để mua ma túy nên gọi điện cho Tô Thị X (là chị

gái của M) nhờ X chuyển 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) vào tài khoản ngân hàng 0390112689999 mang tên "Lại Văn S". Đồng thời, H3, H, H1 và M hẹn nhau tại cầu B1, xã L, huyện C. Sau đó, H1 đi xe máy một mình, còn H và H3 đi 01 xe máy gặp nhau tại khu vực cầu B1, xã L, huyện C để chờ Tô Văn M.

Đến khoảng 21 giờ ngày 03/11/2024, Tô Văn M một mình đi xe máy đến, M để xe máy của M lại, rồi đi cùng xe máy với Nguyễn Văn H1 để đi lấy ma túy. Khi đến nhà văn hóa thôn K1, xã TT, huyện C, H1 và M thấy Lại Văn S, sinh năm 1988, trú tại thôn K1, xã TT, huyện C (là người M nhờ mua hộ ma túy) đang chờ ở đây. M đi lại gặp Sơn thì Sơn đưa cho M 01 gói giấy bạc bên trong đựng 03 viên ma túy hồng phiến, rồi H1 chở M đi về. Khi H1 và M mang ma túy về, H3, H, H1 và M đi xuống gầm cầu B1 để sử dụng. Tô Văn M lấy 01 chai nhựa có sẵn dưới gầm cầu dùng điều thuốc lá đục lỗ trên thân chai, H1 đưa cho M 01 bút bi (trước đó H1 lấy ở quán tạp hóa), M tháo ruột bút rồi lấy vỏ bút lắp vào thân chai nhựa rồi đưa cho H3 đi lấy nước đổ vào chai nhựa, để làm dụng cụ sử dụng ma túy. Sau đó, M lấy 01 viên hồng phiến bỏ lên giấy bạc, dùng bật lửa tự đốt để M sử dụng trước. Sau đó, M đưa cho H đốt để sử dụng, rồi H đốt bật lửa cho H1 và H3 lần lượt sử dụng cho đến khi hết viên hồng phiến thứ nhất. Tiếp đó, do chai nhựa bị thủng nên M đi lên đường nhặt 01 vỏ chai nhựa mang xuống, M tháo chai nhựa bị thủng ném xuống sông rồi lắp vỏ bút vào chai nhựa mới để làm dụng cụ sử dụng ma túy. M cho viên hồng phiến thứ hai lên giấy bạc, M bật lửa cho M tự sử dụng, rồi lần lượt M bật lửa đốt dưới giấy bạc cho H1, H3 và H sử dụng hết viên hồng phiến thứ hai. Do viên hồng phiến thứ 3 không sử dụng được nên M ném xuống sông, bỏ lại các dụng cụ dưới gầm cầu rồi H, H3, H1 và M đi lên lấy xe máy đi về nhà.

Quá trình điều tra, Vũ Hữu H, Nguyễn Văn H1, Lưu Ngọc H3 và Tô Văn M đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

- Quá trình điều tra đã thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu sau:
 - + 01(Một) vỏ chai nhựa màu trắng, trên thân chai có đục 01 lỗ tròn;
 - + 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu xám, máy đã qua sử dụng thu giữ của Tô Văn M;
 - + 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng, máy đã qua sử dụng thu giữ của Lưu Ngọc H3;
 - + 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn H1;
 - + 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xám, đã qua sử dụng thu giữ của Vũ Hữu H;
 - + 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max , màu trắng-hồng, tạm giữ của Lại Văn Sơn;
- Ngày 05/11/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Công đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 1117/QĐ-ĐCSHKT-MT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định mẫu nước tiểu gửi giám định có chứa thành phần chất ma túy không? Nếu có chất ma túy thì là loại

ma túy gì?

Tại bản Kết luận giám định số: 4266/KL-KTHS ngày 08 tháng 11 năm 2024, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Văn H1, Vũ Hữu H, Tô Văn M và Lưu Ngọc H3 gửi đến giám định.

- Các tình tiết khác liên quan trong vụ án:

+ Đối với Lại Văn S, sinh năm 1998, trú tại Thôn K1, xã TT, huyện C, tỉnh Thanh Hóa: Là đối tượng đã có hành vi mua hộ ma túy cho Tô Văn M. Cơ quan điều tra đã triệu tập làm việc với Lại Văn S, lời khai của S phù hợp với lời khai của Tô Văn M và các tài liệu khác đã thu thập được. Ngoài phần ma túy mua hộ cho Tô Văn M (03 viên hồng phiến), Sơn còn mua cho mình 02 viên để sử dụng. Do ma túy Lại Văn S mua hộ cho Tô Văn M, các bị cáo trong vụ án đã sử dụng hết và 02 viên ma túy hồng phiến S mua để sử dụng CQĐT không thu giữ được nên không đủ căn cứ xử lý đối với Lại Văn S trong vụ án này.

+ Về nguồn gốc ma túy mà các bị cáo sử dụng trong vụ án: Lại Văn S khai nhận mua của một người đàn ông tên P (thường gọi là PT), khoảng 30 tuổi, người ở huyện N1 với giá 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, Lại Văn S không biết họ tên, địa chỉ cụ thể và thông tin liên lạc của người đàn ông này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiếp tục xác minh, làm rõ.

+ Đối với Tô Thị X, sinh năm 1990 (là chị gái của Tô Văn M), trú tại Thôn T1, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa là người đã chuyển giúp Tô Văn M 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) vào tài khoản của Lại Văn S, để M đi mua ma túy sử dụng. Tuy nhiên, Tô Thị X không biết M mượn tiền mục đích để làm gì nên không xử lý đối với Tô Thị X trong vụ án này.

+ Đối với Nguyễn Khắc C1, sinh năm 1986, trú tại Thôn K1, xã TT, huyện C, tỉnh Thanh Hóa: Là người đã chuyển khoản cho Lại Văn S vay 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) vào ngày 03/11/2024 để Sơn đi mua ma túy sử dụng. Tuy nhiên, Nguyễn Khắc C1 không biết S mượn tiền mục đích để làm gì nên không đủ căn cứ xử lý đối với Nguyễn Khắc C1 trong vụ án này.

- Xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu trắng - hồng tạm giữ của Lại Văn S: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Lại Thị H4, sinh năm 2002 (em gái của Lại Văn S) trú tại Thôn K1, xã TT, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Lại Thị H4 quản lý và sử dụng.

+ Đối với các phương tiện là xe máy mà các bị cáo sử dụng để đi mua ma túy, rủ nhau sử dụng ma túy: Sau khi sử dụng ma túy xong, Tô Văn M, Nguyễn Văn H1 và Vũ Hữu H đã mang xe về nhà trả lại cho gia đình. Do đó, Cơ quan điều tra không thu giữ và giao lại cho gia đình các bị cáo quản lý và sử dụng.

+ Đối với vật chứng còn lại gồm: 01(Một) vỏ chai nhựa màu trắng, trên thân chai có đục 01 lỗ tròn; 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu xám, máy đã qua sử dụng thu giữ của Tô Văn M; 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng, máy đã qua sử dụng thu giữ của Lưu Ngọc

H3; 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn H1; 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xám, đã qua sử dụng thu giữ của Vũ Hữu H đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Công bảo quản, chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSNC ngày 21/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Tô Văn M, Vũ Hữu H, Nguyễn Văn H1 và Lưu Ngọc H3 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Công giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 BLHS xử phạt đối với các bị cáo như sau:

+ Tô Văn M mức án từ 7 năm 9 tháng tù đến 8 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/11/2024).

+ Vũ Hữu H mức án từ 7 năm 5 tháng tù đến 7 năm 8 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/11/2024).

+ Nguyễn Văn H1 mức án từ 7 năm 3 tháng tù đến 7 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/11/2024).

+ Lưu Ngọc H3 mức án từ 7 năm 3 tháng tù đến 7 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/11/2024).

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ chai nhựa màu trắng, trên thân chai có đục 01 lỗ tròn; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu xám, máy đã qua sử dụng, thu giữ của Tô Văn M; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng, máy đã qua sử dụng, thu giữ của Lưu Ngọc H3; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, máy đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Văn H1; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xám, máy đã qua sử dụng, thu giữ của Vũ Hữu H.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có KH1 nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trước đây các bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu được, kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ căn cứ chứng M: Vào ngày 03/11/2024, tại gầm cầu B1 thuộc xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa Tô Văn M, Vũ Hữu H, Nguyễn Văn H1 và Lưu Ngọc H3 đã có hành vi cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tại bản Kết luận giám định số: 4266/KL-KTHS ngày 08 tháng 11 năm 2024, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Tô Văn M, Vũ Hữu H, Nguyễn Văn H1 và Lưu Ngọc H3 gửi đến giám định. Đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định hành vi của các bị cáo Tô Văn M, Vũ Hữu H, Nguyễn Văn H1 và Lưu Ngọc H3 đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Tệ nạn ma túy ảnh hưởng đến sự phát triển và sức khỏe của con người, làm suy kiệt đến kinh tế gia đình và là nguyên nhân gây ra các tội phạm khác. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm M đối với các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đánh giá vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó, Tô Văn M là người thực hành tích cực rủ Nguyễn Văn H1 góp tiền mua ma túy, là người liên hệ mua ma túy, góp tiền mua ma túy, đi lấy ma túy và chuẩn bị công cụ để sử dụng, là người đốt ma túy cho H, H3, H1 sử dụng; Vũ Hữu H là người liên hệ với H1 để hỏi H1 chỗ mua ma túy sử dụng, gửi số tài khoản của H1 cho H3 để H3 chuyển tiền mua ma túy sử dụng, chở H3 đến địa điểm sử dụng ma túy, đốt ma túy cho H1 và H3 sử dụng. Nguyễn Văn H1 là người giúp sức cho các bị cáo Vũ Hữu H, Lưu Ngọc H3 và Tô Văn M góp tiền mua ma túy sử dụng, cùng Tô Văn M đi lấy ma túy về để sử dụng, chuẩn bị công cụ để sử dụng ma túy; Lưu Ngọc H3 là người góp tiền, chuẩn bị công cụ để sử dụng ma túy; Do đó, bị cáo M có vai trò cao nhất, bị cáo H có vai trò thứ 2, bị cáo H1 có vai trò thứ 3 và bị cáo H3 có vai trò thấp nhất.

[4] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “đầu thú”. Ngoài ra, các bị cáo đều có thêm tình tiết giảm nhẹ: có ông, bà, bố, mẹ, chú là người có công với cách mạng; các bị cáo H, H1, H3 có đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn; bị cáo H1 tích cực tham gia ủng hộ Quỹ Ngày vì người nghèo do Mặt trận Tổ quốc xã Thăng Bình phát động nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Về nhân thân: Các bị cáo H1 và H3 không có tiền án, tiền sự. Bị cáo M đã bị Tòa án xét xử về tội “Không tố giác tội phạm”. Bị cáo H đã bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Đánh bạc”.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo. Áp dụng Điều 38 BLHS cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đưa các bị cáo vào môi trường lao động, giáo dục, học tập nghiêm khắc theo quy chế trại giam để cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu xám, máy đã qua sử dụng, thu giữ của Tô Văn M; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng, máy đã qua sử dụng, thu giữ của Lưu Ngọc H3; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, máy đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Văn H1; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xám, máy đã qua sử dụng, thu giữ của Vũ Hữu H là các công cụ phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01(Một) vỏ chai nhựa màu trắng, trên thân chai có đục 01 lỗ tròn là công cụ phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chị Tô Thị X, sinh năm 1990 (là chị gái của Tô Văn M), trú tại thôn T1, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa là người đã chuyển giúp Tô Văn M 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) vào tài khoản của Lại Văn S, để M đi mua ma túy sử dụng. Tuy nhiên, Tô Thị X không biết M mượn tiền mục đích để làm gì nên không xử lý đối với Tô Thị X. Số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) chị X không yêu cầu bị cáo M trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS:

Tuyên bố các bị cáo Tô Văn M, Vũ Hữu H, Nguyễn Văn H1 và Lưu Ngọc H3 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 BLHS đối với các bị cáo Tô Văn M, Vũ Hữu H, Nguyễn Văn H1 và Lưu Ngọc H3:

Xử phạt: Tô Văn M 7 (Bảy) năm 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/11/2024).

Xử phạt: Vũ Hữu H 7 (Bảy) năm 4 (Bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/11/2024).

Xử phạt: Nguyễn Văn H1 7 (Bảy) năm 3 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/11/2024).

Xử phạt: Lưu Ngọc H3 7 (Bảy) năm 3 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/11/2024).

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu xám, máy đã qua sử dụng, thu giữ của Tô Văn M; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng, máy đã qua sử dụng, thu giữ của Lưu Ngọc H3; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, máy đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Văn H1; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xám, máy đã qua sử dụng, thu giữ của Vũ Hữu H.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01(Một) vỏ chai nhựa màu trắng, trên thân chai có đục 01 lỗ tròn.

Vật chứng của vụ án được mô tả như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống lập ngày 23/5/2025.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Tô Văn M, Vũ Hữu H, Nguyễn Văn H1 và Lưu Ngọc H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của

mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

